

Bản án số: **462/2025/HS-PT**

Ngày 27 tháng 5 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Quang Huy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Huân

Bà Nguyễn Thị Trâm Anh

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Khoa - *Thư ký Toà án;*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Hà. - *Kiểm sát viên.*

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 88/TLPT-HS ngày 22/01/2025 đối với bị cáo Đặng Đình V do có kháng cáo của bị cáo và bị hại trong vụ án đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 170/2024/HS-ST ngày 26 và 27/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo: Đặng Đình V**, sinh năm: 1975; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn H, xã C, huyện H, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Đặng Đình L, sinh năm: 1949; Con bà: Nguyễn Thị K, sinh năm: 1952; Gia đình bị cáo có 05 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1980; Có 02 con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; *Có mặt.*

*** Bị hại có kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1949; HKTT: thôn H, xã C, huyện H, thành phố H; *Có mặt.*

*** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:**

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; HKTT: thôn H, xã C, huyện H, thành phố H; *Có mặt.*

2. Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1979; HKTT: thôn H, xã C, huyện H, thành phố H; *Có mặt.*

3. Anh Đặng Đình V2, sinh năm 1977; HKTT: thôn H, xã C, huyện H, thành phố H; *Có mặt.*

4. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1982; HKTT: thôn H, xã C, huyện H, thành phố H; *Vắng mặt.*

5. Anh Đặng Đình V3, sinh năm 1973; HKTT: thôn H, xã C, huyện H, thành phố H; *Có mặt.*

6. Ông Đặng Đình L, sinh năm 1949; HKTT: thôn H, xã C, huyện H, thành phố H; *Có mặt.*

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Nguyễn Phan H2, Văn phòng L2, Đoàn luật sư thành phố H; *Có mặt.*

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:** Luật sư Trần Bá L1, Công ty L3, Đoàn luật sư T; *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ mâu thuẫn tranh chấp đất đai giữa gia đình chị Nguyễn Thị H (sinh năm: 1972), bà Nguyễn Thị V1 (sinh năm: 1949 – là mẹ của chị H), chị Nguyễn Thị Y (sinh năm: 1979 – là em gái của chị H), đều có NCT: Thôn H, xã C, huyện H, thành phố Hà Nội với gia đình anh Đặng Đình V2 (sinh năm: 1977, NCTT: Thôn H, xã C, huyện H, thành phố Hà Nội) đối với thửa đất số 80A, tờ bản đồ số 9, diện tích 177m² ở thôn H, xã C, huyện H, thành phố Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 142951 ngày 09/3/2012 mang tên ông Nguyễn Đình A, đính chính tại trang 4 của Giấy chứng nhận thể hiện chuyển nhượng cho anh Đặng Đình V2 và vợ là chị Nguyễn Thị H1 (sinh năm: 1982) theo Hợp đồng chuyển nhượng số 264.2022/HĐCN ngày 08/01/2022 lập tại Văn phòng C2. Cụ thể: Thửa đất trên ban đầu đứng tên ông Nguyễn Vi H3 (sinh năm: 1944 - là chồng của bà V1). Năm 2010, ông H3 chết, thửa đất trên do bà V1 cùng các con quản lý, sử dụng. Năm 2012, anh Nguyễn Đình A (sinh năm: 1978, HKTT: Thôn G, xã C, huyện H, thành phố Hà Nội) mua lại thửa đất trên và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2022, anh V2 tiếp tục mua lại thửa đất này của anh A. Phía gia đình bà V1 cho rằng việc anh A mua thửa đất trên không được sự đồng ý của tất cả gia đình bà V1 nên đã xảy ra tranh chấp với gia đình anh V2 như hiện nay.

Do muốn giữ đất, anh Đặng Đình V2 có thuê thợ để xây tường bao quanh thửa đất số 80A trên và nhờ ông Đặng Đình L (sinh năm: 1949 – là bố của anh V2) ra thửa đất trên dọn dẹp trước. Ngày 22/11/2023 ông L đã ra thửa đất số 80A để dọn dẹp và chặt bỏ bụi chuối (khoảng 10 cây). Đến khoảng 7 giờ sáng ngày 23/11/2023, anh V2 cùng ông L, chị Nguyễn Thị H1 (sinh năm: 1982 – là vợ của anh V2), anh Đặng Đình V3 (sinh năm: 1973, NCT: Thôn H, xã C, huyện H, thành phố Hà Nội - là anh trai anh V2) và các người thợ xây là anh Nguyễn Văn C (sinh năm: 1985), anh Nguyễn Đăng O (sinh năm: 1964) đều có địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện H, thành phố Hà Nội cùng một người nữa (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) có mặt tại thửa đất số 80A để xây dựng. Khi đang chuẩn bị tiến hành xây dựng, bà V1, chị H và chị Y đứng ở khu vực cửa nhà chị H hướng ra thửa đất (sát với thửa đất của nhà anh V2) nói gia đình anh V2 cướp đất của nhà bà V1 và ngăn cản không cho gia đình anh V2 xây dựng. Sau đó, bà V1, chị H, chị Y đã bơm nước ra phân móng để không cho thợ xây dựng và ném cát về phía gia đình anh V2. Do bức xúc vì bị bà V1, chị H, chị Y ngăn cản không cho xây dựng, anh V2 đổ một xô phân vào thùng phi nước, rồi bắc máy bơm cùng chị H1 dùng vòi phun về phía bà V1, chị H, chị Y để đuổi bà V1, chị H, chị Y ra

khỏi thửa đất. Sau đó, anh V3 và anh V2 thay nhau cầm vòi phun phun nước phân về phía chị H, chị Y và bà V1 khiến nước phân bắn dính lên tường, vào nhà chị H và dính bắn vào người ba mẹ con bà V1, chị H, chị Y. Trong quá trình xây dựng, trên thửa đất có một đồng gạch của chị H để trên thửa đất, anh V2 đã chuyển chỗ gạch trên ra khu vực giáp danh giữa hai thửa đất của hai gia đình. Đến khoảng 13 giờ ngày 23/11/2023, anh V2 thuê người mang máy cắt đến chặt, cắt hạ cây S phía ngoài trên đất của anh V2.

Khoảng 7 giờ ngày 24/11/2023, anh Đặng Đình V2, chị Nguyễn Thị H1, anh Đặng Đình V3, anh Đặng Đình V đi đến thửa đất số 80A của gia đình anh V2 để cho thợ xây dựng tường bao. Tại đây, anh V2 thấy bà Nguyễn Thị V1, chị Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị Y đứng giữa thửa đất số 80A chửi bới, ngăn cản không cho anh V2 xây dựng. Sau đó, giữa gia đình anh V2 và gia đình bà V1 xảy ra tranh cãi. Lúc này do bức xúc vì bị gia đình bà V1 chửi mắng, anh V3 đi từ ngoài vào bên trong thửa đất số 80A nơi mà ba mẹ con của bà V1 đang đứng rồi dùng tay phải chỉ vào mặt chị H yêu cầu chị H không được vào thửa đất số 80A nhưng chị H không đi. Anh V3 dùng hai tay xô, đẩy chị H ra ngoài khiến chị H bị ngã vào đồng gạch, làm xước da chảy máu cánh tay trái. Khi chị H bị ngã có nhặt một viên gạch ở dưới đất thì anh V3 lao vào định giữ tay nhưng không được. Lúc này, anh V3 cũng nhặt một viên gạch dưới đất thì chị H1 vào giằng lấy viên gạch từ tay anh V3 và can ngăn. Giữa anh V3, chị H và chị Y tiếp tục xảy ra xô xát, đẩy nhau. Cùng lúc này, Đặng Đình V cũng đi vào thửa đất chỗ bà V1 đang đứng, V dùng hai tay cầm chặt hai tay của bà V1, lôi, kéo bà V1 từ giữa thửa đất ra ngoài đường bê tông (quãng đường khoảng 7-8m). Khi ra đến đường bê tông, V đứng phía sau bà V1, dùng tay phải đẩy mạnh vào lưng của bà V1 khiến bà V1 ngã lao người về phía trước đập người vào tường, tay trái bà V1 chống vào chiếc đinh đóng trên tường khiến bà V1 rách da chảy máu lòng bàn tay trái, rồi bà V1 ngã tụt một chân xuống rãnh nước thải làm xước xát đầu gối chân trái và bong móng chân cái bàn chân trái. Chị H và chị Y chạy tới đỡ bà V1 dậy rồi chở bà V1 đến Bệnh viện đa khoa huyện H để khám và điều trị đến ngày 29/11/2023 bà V1 được ra viện.

Ngày 29/11/2023, chị Nguyễn Thị H có đơn tố giác gia đình anh Đặng Đình V2 có hành vi hủy hoại tài sản (chặt khoảng 80 cây chuối tây và 01 cây Sanh); đổ, ném chất bẩn, chất thải (phun phân vào nhà chị H, vào người chị H, chị Y, bà V1); trộm cắp tài sản khoảng 3000 viên gạch xảy ra ngày 22/11/2023, ngày 23/11/2023 và hành vi cố ý gây thương tích của gia đình anh V2 vào ngày 24/11/2024 đều xảy ra tại thửa đất số 80A, tờ bản đồ số 9 ở thôn H, xã C, huyện H, thành phố Hà Nội.

Ngày 22/01/2024 bà Nguyễn Thị V1 có đơn đề nghị khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc trên và khởi tố bị can đối với Đặng Đình V về tội Cố ý gây thương tích.

Tại giấy chứng thương ngày 18/12/2023 của Bệnh viện đa khoa huyện H thể hiện thương tích của bà Nguyễn Thị V1: Vết thương gan bàn tay trái kích thước (03x05)cm, xây xát gối trái, cẳng tay trái, bầm tím đốt 2 ngón I chân trái.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện H đã tiến hành xác minh, làm việc với Trạm y tế xã C, chính quyền địa phương, hội người cao tuổi để xác định tình trạng sức khỏe của bà V1 trước thời điểm xảy ra vụ việc. Kết quả Trạm y tế xã C cung cấp: Bà V1 có tên trong danh sách quản lý người cao tuổi tại trạm y tế

xã C, tuy nhiên bà V1 không khám và điều trị bệnh lý gì ở trạm y tế nên không xác định được tình trạng sức khỏe của bà V1; Đại diện chính quyền địa phương thôn H, xã C cung cấp: Bà V1 là người già yếu, không đi làm, sống phụ thuộc vào con cái từ lâu; Hội người cao tuổi của thôn H, xã C cung cấp: Bà V1 có tên trong danh sách chi hội người cao tuổi ở thôn H, C. Bà V1 năm nay 75 tuổi, không đi làm và sống phụ thuộc vào con cái từ lâu do sức khỏe đã kém.

Tại biên bản làm việc xác minh thương tích ngày 18/12/2023, Bệnh viện đa khoa huyện H cung cấp thương tích của chị Nguyễn Thị H: Đau, sưng nề cẳng tay trái.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) USB bên trong có chứa video ghi lại nội dung liên quan đến vụ việc xảy ra ngày 24/11/2023 tại thôn H, xã C, H, Hà Nội do anh Đặng Đình V2 giao nộp.

Ngày 05/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện H ra Quyết định trưng cầu giám định số 570 trưng cầu Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể và cơ chế hình thành thương tích của bà Nguyễn Thị V1. Ngày 11/12/2023, Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 8995/KL-KTHS của Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an kết luận:

“1. Các kết quả chính:

Căn cứ kết quả nghiên cứu hồ sơ, khám giám định và khám chuyên khoa, xác định bà Nguyễn Thị V1 bị đa chấn thương phần mềm, đã điều trị. Hiện tại:

- Sẹo mặt sau khuỷu tay trái kích thước 1x0,4cm.*
- Vết thương đang liền sẹo ô mô út bàn tay trái kích thước 5,2x(0,1-0,2)cm.*
- Vết thương đang liền sẹo mặt mu ngón I chân trái kích thước 0,6x0,2cm.*
- Vùng đầu và gối trái không có dấu vết thương tích.*

2. Kết luận

2.1. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể

Đối chiếu Bảng 1 - Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể như sau:

- Sẹo mặt sau khuỷu tay trái kích thước nhỏ: 01% (áp dụng Nguyên tắc 1 và Mục I.1, Chương 8).*
- Vết thương đang liền sẹo ô mô út bàn tay trái kích thước trung bình: 02% (áp dụng Nguyên tắc 1, 4 và Mục I.2, Chương 8).*
- Vết thương đang liền sẹo mặt mu ngón I chân trái kích thước nhỏ: 01% (áp dụng Nguyên tắc 1, 4 và Mục 1.2, Chương 8).*

*Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Nguyễn Thị V1 tại thời điểm giám định là **04% (bốn phần trăm)**.*

2.2. Cơ chế hình thành thương tích

- Tổn thương vùng ô mô út bàn tay trái của bà Nguyễn Thị V1 do vật có diện tiếp xúc hẹp gây nên.*

- *Tổn thương vùng khuỷu tay trái và ngón I chân trái của bà Nguyễn Thị V1 do vật tày gây nên.*

- *Vùng đầu và gối trái không có dấu vết thương tích nên không có cơ sở để xác định cơ chế hình thành thương tích.” (Bút lục số 42-45).*

Ngày 22/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H ra Quyết định trưng cầu giám định số 603 trưng cầu Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể và cơ chế hình thành thương tích của chị Nguyễn Thị H. Ngày 29/12/2023, Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 9547/KL-KTHS của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an ra Bản kết luận: *"1. Các kết quả chính: Căn cứ kết quả nghiên cứu hồ sơ, khám giám định, khám chuyên khoa xác định chị Nguyễn Thị H bị chấn thương phần mềm cẳng tay trái. Hiện tại, vùng cẳng tay trái không có dấu vết thương tích, không ảnh hưởng chức năng. 2. Kết luận 2.1. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể Đối chiếu Bảng 1 - Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của chị Nguyễn Thị H tại thời điểm giám định là: 0% (không phần trăm).*

2.2. Cơ chế hình thành thương tích

Do vùng cẳng tay trái của chị Nguyễn Thị H không có dấu vết thương tích nên không có cơ sở xác định cơ chế hình thành thương tích.”

Đối với việc chị Nguyễn Thị H bị anh Đặng Đình V3 đẩy ngã vào đồng gạch khiến chị H bị xước da chảy máu cánh tay trái, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của chị H là 0%. Do đó, hành vi của anh Đặng Đình V3 không cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Ngày 20/8/2024, Công an huyện H đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đặng Đình V3 về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 7, Nghị định số 144/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2021.

Đối với việc anh Nguyễn Đình V4, anh Nguyễn Đình V5, chị Nguyễn Thị H1 có hành vi phứt nước phân vào chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị V1. Tại cơ quan điều tra, anh V4, anh V5, chị H1 trình bày mục đích phứt phân vào ba mẹ con bà V1 là để đuổi ba mẹ con bà V1 ra khỏi thửa đất số 80A, không cản trở việc xây dựng. Ngoài việc bị dính bẩn, bà V1, chị H, chị Y chưa bị thiệt hại hay có hậu quả nghiêm trọng nào khác xảy ra. Ngày 20/8/2024, Công an huyện H đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh V4, anh V5, chị H1 về hành vi “Đổ, ném chất thải, chất bẩn vào nhà ở, nơi ở, vào người, đồ vật, tài sản của người khác” theo quy định tại điểm e, khoản 4, Điều 7, Nghị định số 144/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2021.

Đối với việc chị Nguyễn Thị H tố giác gia đình anh Nguyễn Đình V4 chặt phá khoảng 80 cây “Chuối tây” và 01 cây “Sanh”, quá trình điều tra: Anh V4 trình bày: Khi mua lại thửa đất số 80A trên từ anh Nguyễn Đình A thì đã có cây cối trên thửa đất. Anh A đã bàn giao đất và tài sản trên đất cho anh V4. Do vậy, xác định số tài sản là thuộc quyền sở hữu của anh V4. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với anh Nguyễn Đình V4.

Đối với việc chị Nguyễn Thị H4 tố giác gia đình anh Nguyễn Đình V4 đã trộm cắp khoảng 3.000 viên gạch của chị H để trên thửa đất số 80A, quá trình điều tra: Gia đình anh V4, thợ xây khai không ai lấy gạch của chị H mà trong quá trình xây dựng, anh V4 đã để gạch của chị H ra phân giáp ranh giữ nhà anh V4 và nhà chị H. Bản thân chị H không xác định được ai lấy gạch của chị H, không biết chính xác số lượng gạch bị mất. Do đó, không có căn cứ để xác định gia đình anh V4 đã trộm cắp số gạch trên.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Nguyễn Thị V1 đề nghị gia đình anh Đặng Đình V2 (gồm ông L, anh V, anh V5, chị H1, anh V2) bồi thường cho bà V1 số tiền 262.994.000 đồng (hai trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng), trong đó: Tiền điều trị thương tích và phục hồi sức khỏe là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); tiền gia đình anh V2 chặt cây “Sanh” là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); tiền bồi thường tổn thất tinh thần do bị xâm phạm sức khỏe là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); tiền bồi thường tổn thất tinh thần do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng); tiền bị trộm cắp số gạch và bị chặt chuối là 4.994.000 đồng (bốn triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị H đề nghị anh Đặng Đình V3 bồi thường cho chị H số tiền 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra vụ án, Đặng Đình V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

*** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 170/2024/HSST ngày 26 và 27/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội đã quyết định:**

- Tuyên bố bị cáo: Đặng Đình V phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- Căn cứ: điểm c, i khoản 1 điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt: Đặng Đình V 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đặng Đình V phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị V1 số tiền 24.854.586 đồng.

- Bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp bảo đảm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/12/2024 bị cáo Đặng Đình V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt và xin được hưởng án treo. Ngày 02/12/2024, bị hại Nguyễn Thị V1 có đơn kháng cáo với nội dung cho rằng cấp sơ thẩm điều tra không triệt để, bỏ lọt tội phạm, việc định giá tài sản không đúng, mức hình phạt đối với bị cáo là nhẹ, đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị cáo Đặng Đình V: Giữ nguyên kháng cáo của mình; khai như đã khai tại phiên tòa sơ thẩm và tại Cơ quan điều tra. Bị cáo công nhận bản án sơ thẩm kết án bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” là đúng người, đúng tội, bị cáo

không bị oan, nay bị cáo đã rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, chỉ xin được hưởng án treo.

- Bị hại Nguyễn Thị V1 giữ nguyên kháng cáo của mình. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại, truy tố thêm những người khác có liên quan đến hành vi làm nhục người khác, huỷ hoại tài sản, đề nghị tăng nặng mức hình phạt đối với bị cáo.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác tham gia phiên tòa giữ nguyên lời khai của mình trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích của bị hại: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của bị hại, huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

- Người bào chữa cho bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa bản án sơ thẩm, cho bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: *Về tố tụng*: Kháng cáo của bị cáo, bị hại là hợp lệ, cần được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. *Về nội dung*: Bản án sơ thẩm kết án bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Mức hình phạt của bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 10 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, không có tình tiết giảm nhẹ nào mới để làm căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Cũng không có căn cứ nào để chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc đề nghị tăng nặng mức hình phạt đối với bị cáo. Đối với các nội dung kháng cáo khác của bị hại là không có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng cáo bị hại, giữ nguyên tội danh, mức hình phạt, mức bồi thường của bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại trong vụ án được làm trong thời hạn luật định, đảm bảo về chủ thể kháng cáo theo Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai của bị cáo, bị hại tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại tại phiên tòa sơ thẩm; lời khai của những người tham gia tố tụng khác, hình ảnh trích xuất từ camera, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 07 giờ ngày 24/11/2023 tại Thôn H, xã C, huyện H, thành phố Hà Nội, mặc dù không có mâu thuẫn trực tiếp gì với bà Nguyễn Thị V1, nhưng khi thấy gia đình bà V1 có mâu thuẫn với em trai của mình là Đặng Đình V2, khi bà

V1 đang đứng tại thửa đất số 80A, tờ bản đồ 09 (đang tranh chấp giữa gia đình bà V1 và gia đình anh Đặng Đình V2), bị cáo Đặng Đình V đã có hành vi dùng hai tay nắm chặt hai tay của bà V1 để lôi, kéo bà V1 từ giữa thửa đất 80A ra ngoài đường bê tông cách đó khoảng 10m. Khi đến đường bê tông, V dùng tay phải đẩy mạnh vào lưng của bà V1 làm bà V1 ngã lao người về phía trước đập người vào tường và tay trái bà V1 chống phải chiếc đỉnh đóng trên tường khiến bà V1 rách da chảy máu lòng bàn tay trái, rồi bà V1 bị ngã tụt một chân xuống rãnh nước thải làm xước sát đầu gối chân trái và bong móng chân cái bàn chân trái, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà V1 là 04%. Tại thời điểm xảy ra sự việc, bà V1 là người già, yếu, không có khả năng tự vệ (đã 74 tuổi 10 tháng 23 ngày).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm luật hình sự, xâm phạm sức khỏe của người khác. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện, gây thương tích cho người già yếu, với tính chất côn đồ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm c, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

*** Xét kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại:**

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Đặng Đình V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt và xin được hưởng án treo. Bị hại Nguyễn Thị V1 có đơn kháng cáo với nội dung cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm là những người có hành vi phứt nước bẩn vào các thành viên gia đình bị hại, việc định giá tài sản không đúng quy định, mức hình phạt đối với bị cáo là nhẹ, mức bồi thường dân sự chưa thỏa đáng, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

- Về hình phạt đối với bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo không có mâu thuẫn trực tiếp với bị hại, nhưng thấy gia đình em trai mình và gia đình bị hại có bất đồng về việc xây dựng, tranh chấp quyền sử dụng đất, lẽ ra bị cáo phải tham gia hoà giải giữa hai bên, nhưng lại dùng vũ lực, cố ý gây thương tích cho bị hại là người già yếu. Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm c, i khoản 1 điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo 10 tháng tù. Tại cấp phúc thẩm mặc dù bị cáo xuất trình biên lai đã nộp số tiền 24.854.586 đồng bồi thường cho bị hại và án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm. Nhưng xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất côn đồ, phạm tội với phụ nữ là người già yếu (*75 tuổi*), không có khả năng tự vệ, hành vi của bị cáo mang tính quyết liệt, nên mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin được giảm nhẹ mức hình phạt và xin được hưởng án treo. Đồng thời, cũng không chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc đề nghị tăng nặng mức hình phạt đối với bị cáo.

- Đối với các nội dung kháng cáo khác của bị hại đề nghị hủy bản án sơ thẩm với các lý do cho rằng cấp sơ thẩm điều tra không triệt để, bỏ lọt tội phạm, nhiều người có hành vi phứt nước bẩn vào gia đình bị hại ngày 23/11/2023 không bị xử lý; Có hành vi huỷ hoại tài sản là khoảng 80 cây chuối, 01 cây Sanh ngày 23/11/2023 nhưng không xử lý, việc định giá tài sản là các cây chuối, cây Sanh không đúng; Có người lấy số gạch gia đình bị hại để tại khu đất có tranh chấp; Đề nghị xem xét lại mức bồi thường dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy

+ Về hành vi anh Đặng Đình V2, anh Đặng Đình V3, chị Nguyễn Thị H1 có hành vi phụt nước bắn vào người bà Nguyễn Thị V1, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Y: Do tranh chấp đất đai giữa hai gia đình, ngày 23/11/2023, anh V2, anh V3, chị Nguyễn Thị H1 có hành vi phụt nước bắn vào người bà V1, chị H, chị Y. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra và xác định việc phụt nước bắn về phía bà V1, chị H, chị Y nhằm mục đích để bà V1, chị H, chị Y ra khỏi khu đất có tranh chấp, không có mục đích làm nhục người khác, hành vi của anh V2, V3, chị H1 chưa cấu thành tội “*Làm nhục người khác*” nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý hình sự mà đã ra quyết định xử lý hành chính đối với anh V2, anh V3, chị H1 là phù hợp. Viện kiểm sát không truy tố đối với anh V2, anh V3, chị H1, mà chỉ truy tố Đặng Đình V về hành vi cố ý gây thương tích cho bà V1 xảy ra ngày 24/11/2023. Theo quy định của Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự về Giới hạn của việc xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử đối với Đặng Đình V về tội “*Cố ý gây thương tích*” là đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, hành vi phụt nước bắn trên xảy ra vào ngày 23/3/2023, độc lập với hành vi gây thương tích của bị cáo V trong vụ án này, (hành vi của bị cáo V xảy ra sau sự việc trên 01 ngày). Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo trên của bị hại. Trường hợp bị hại và những người có liên quan cho rằng anh V2, anh V3, chị H1 có hành vi phạm tội “*Làm nhục người khác*”, bị hại và những người có liên quan có quyền tiếp tục khiếu nại, kiến nghị đến Cơ quan có thẩm quyền để xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật trong vụ việc khác.

+ Đối với các yêu cầu kháng cáo của bị hại cho rằng cấp sơ thẩm định giá tài sản không đúng về việc chặt phá 80 cây chuối, 01 cây Sanh; không làm rõ về số gạch bị mất của các ngày 22/11/2023 và 23/11/2023; Việc điều tra bỏ lọt tội phạm, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với việc chị Nguyễn Thị H tố giác gia đình anh V2 chặt phá khoảng 80 cây chuối và 01 cây Sanh, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra và xác định, anh V2 khai khi nhận chuyển nhượng thửa đất số 80A trên từ anh Nguyễn Đình A thì đã có cây cối trên thửa đất. Anh A đã bàn giao đất và tài sản trên đất cho anh V2. Cơ quan điều tra xác định số cây chuối, cây Sanh trên nằm trên phần đất anh V2 đã nhận chuyển nhượng nên không có căn cứ để xử lý đối với anh V2 về hành vi huỷ hoại tài sản. Cơ quan điều tra cũng đã trưng cầu định giá số cây bị chặt phá, đúng thủ tục pháp luật quy định. Hiện nay, gia đình bị hại cho rằng diện tích đất trên thuộc quyền sử dụng của mình, các bên có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Đối với việc chị Nguyễn Thị H tố giác gia đình anh V2 đã lấy khoảng 3.000 viên gạch của chị H để trên thửa đất số 80A, quá trình điều tra đã xác định khi chuẩn bị xây dựng gia đình anh V2 đã để gạch của chị H ra phần giáp ranh giữa nhà anh V2 và nhà chị H, không lấy gạch của chị H. Bản thân chị H không xác định được ai lấy gạch của chị H, không biết chính xác số lượng gạch bị mất. Do đó, không có căn cứ để xác định gia đình anh V2 đã lấy số gạch trên. Mặt khác, hành vi chặt phá cây và việc mất số gạch trên xảy ra vào các ngày 22/3/2023 và 23/3/2023, độc lập với hành vi gây thương tích của bị cáo V trong vụ án này. Nếu những người có liên quan có căn cứ xác định anh V2 có hành vi huỷ hoại tài sản hoặc trộm cắp tài sản có quyền tiếp tục khiếu nại, kiến nghị đến Cơ quan có thẩm quyền để xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật trong vụ việc khác.

Đối với ý kiến của bị hại cho rằng cấp sơ thẩm điều tra không đầy đủ, bỏ lọt tội phạm: Kết quả điều tra, truy tố, xét xử, lời khai của bị cáo, bị hại, những người làm chứng, hình ảnh trích xuất từ camera đều xác định chỉ có bị cáo là người gây thương tích cho bị hại, không có căn cứ xác định khi thực hiện tội phạm bị cáo có đồng phạm.

Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận các nội dung kháng cáo trên của bị hại.

+ *Đối với các yêu cầu kháng cáo của bị hại về trách nhiệm bồi thường dân sự:*

Quá trình điều tra và tại phiên toà sơ thẩm, phúc thẩm bị hại có những yêu cầu bồi thường như sau: Yêu cầu gia đình anh Đặng Đình V2 (gồm ông L, anh V, anh V3, chị H1, anh V2) bồi thường cho bị hại số tiền 262.994.000 đồng, trong đó: Tiền điều trị thương tích và phục hồi sức khỏe là 20.000.000 đồng; Tiền gia đình anh V2 chặt cây “Sanh” là 200.000.000 đồng; Tiền bồi thường tổn thất tinh thần do bị xâm phạm sức khỏe là 20.000.000 đồng; Tiền bồi thường tổn thất tinh thần do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm là 18.000.000 đồng; T bị trộm cắp số gạch và bị chặt chuối là 4.994.000 đồng.

Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận các yêu cầu bồi thường như sau của bị hại: (1) *Chi phí điều trị thương tích:* Theo bảng kê chi phí điều trị nội trú ngày 30/11/2023: 2.991.806 đồng; Hóa đơn bán hàng ngày 24/11/2023 chụp CLVT: 522.000 đồng; Hóa đơn bán hàng ngày 24/11/2023 là 270.780 đồng; Tổng cộng là 3.784.586 đồng. Bị hại không cung cấp được hóa đơn, chứng từ thể hiện chi phí thuê phương tiện đi cấp cứu, thuốc điều trị, bồi dưỡng nên không có cơ sở chấp nhận các yêu cầu chi phí điều trị thương tích khác của bị hại. (2) *Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị:* Bị hại điều trị tại bệnh viện 01 lần với tổng thời gian điều trị tại bệnh viện là 05 ngày. Chị H là con gái của bị hại phải nghỉ việc để chăm sóc trong thời gian trên. Thu nhập thực tế của chị H làm công việc phụ xây là từ 350.000 đồng/ngày. Chị H không cung cấp được bảng lương. Xác minh thu nhập bình quân của xã C năm 2023 là 78.000.000 đồng/người/năm (tương đương 214.000đồng/ngày). Vì vậy, chấp nhận mức mất thu nhập của người chăm sóc bị hại là $214.000đ \times 5 \text{ ngày} = 1.070.000 \text{ đồng}$; (3) *Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần cho bị hại:* Chấp nhận mức bồi thường 20.000.000 đồng (tương đương gần 9 tháng lương cơ bản). Do vậy, tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 24.854.586 đồng.

Đối với khoản tiền cây Sanh, vườn chuối bị chặt: Các cây trên mọc trên phần đất gia đình anh V2 đã nhận chuyển nhượng, do chưa có cơ sở xác định số cây trên là của bị hại nên cấp sơ thẩm không buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại. Đối với việc chị Nguyễn Thị H tố giác gia đình anh Nguyễn Đình V4 đã trộm cắp khoảng 3.000 viên gạch của chị H để trên thửa đất số 80A, quá trình điều tra chưa đủ cơ sở kết luận ai lấy số gạch trên của gia đình bị hại nên chưa đủ cơ sở giải quyết yêu cầu bồi thường trên. Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất danh dự do bị phụt nước bắn vào người, những người có hành vi trên đã bị xử lý vi phạm hành chính, hành vi của những người này độc lập với hành vi phạm tội của bị cáo V trong vụ án này, nên cấp sơ thẩm dành quyền khởi kiện bà V1, chị H, chị Y trong vụ án dân sự khác khi có yêu cầu. Xét thấy mức bồi thường mà bản án sơ thẩm đã xác định như trên là phù hợp với thương tích bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử giữ nguyên

mức bồi thường như bản án sơ thẩm, không chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của bị hại về phần bồi thường dân sự. Đối với các nội dung khác liên quan đến yêu cầu bồi thường của chị H, chị Y, sau khi xét xử sơ thẩm những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan này không kháng cáo, phần quyết định dân sự liên quan đến chị H, chị Y đã có hiệu lực pháp luật nên cấp phúc thẩm không xét.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại của bị hại.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của bị cáo, bị hại trong vụ án; giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[2.3] Về các nội dung khác

- Về án phí: Kháng cáo của bị cáo, bị hại không được chấp nhận, nhưng bị hại là người già nên được miễn án phí; bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Đình V về phần hình phạt và kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị V1 về việc đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

- Giữ nguyên các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 170/2024/HS-ST ngày 26 và 27/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

1.1. Áp dụng: các điểm c, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

- **Xử phạt bị cáo: Đặng Đình V 10 (mười) tháng tù** về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 357, 468, 584, 585, 590 Bộ luật dân sự; Điều 46, 48 Bộ luật hình sự;

Buộc bị cáo Đặng Đình V phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị V1 số tiền 24.854.586 đồng. Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền trên theo Biên lai thu tiền số 5987 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Không chấp nhận các yêu cầu bồi thường khác của bị hại.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Áp dụng: khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.242.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền trên theo Biên lai thu tiền số 5987 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị hại được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội;
- TAND huyện Hoài Đức;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- Bị cáo; Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Vũ Quang Huy